TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 8 - 2017
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh;

Ông Lê Minh Chiến.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2017/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Trần Thị L,** sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 03 tháng 7 năm 2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 27/5/2017, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 03/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Chị và anh Huỳnh Văn H chung sống với nhau từ năm 1995 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn do vợ chồng nghèo phải lo đi làm ăn nên không nghĩ đến việc đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh H sửa đổi tính tình để tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng cũng không có kết quả, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 12/11/1998. Hiện con đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 26/6/2017, biên bản hòa giải ngày 03/7/2017 bị đơn anh Huỳnh Văn H trình bày:*

Anh thống nhất với phần trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nên nay qua yêu cầu ly hôn của chị L thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 12/11/1998. Hiện con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

* Về *tuân theo pháp luật tố tụng :*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn chấp hành tốt, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không đặt vấn đề vi phạm về nghĩa vụ.

Về thủ tục gởi Thông báo thụ lý vụ án: Vụ án thụ lý ngày 15/6/2017 nhưng đến ngày 30/6/2017 Tòa án mới gởi Thông báo thụ lý vụ án cho Viện Kiểm sát là vi phạm quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với vi phạm trên chỉ là vi phạm nhỏ, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án; nên chỉ kiến nghị Tòa án khắc phục trong thời gian tới.

* *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, 16, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận mối quan hệ giữa chị L và anh H là vợ chồng vì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng cho đến nay vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 12/11/1998. Hiện con chung đã trưởng thành, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn anh Huỳnh Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03 tháng 7 năm 2017, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1].*Về quan hệ hôn nhân:*

Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh H đều khai thống nhất sống chung như vợ chồng từ năm 1995 nhưng cho đến thời điểm hiện tại anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn, vì vậy không có giấy đăng ký kết hôn để giao nộp cho Tòa án.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 01/6/2017 của chị Trần Thị L gởi Ủy ban nhân dân xã T và biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T đều được Ủy ban xác nhận: Chị Trần Thị L, sinh năm 1975 có chung sống như vợ chồng với anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1975 nhưng qua kiểm tra sổ bộ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T thì không có tên của chị L và anh H, nên xác định chị L và anh H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.

Từ những cơ sở nêu trên, xác định được chị Trần Thị L và anh Huỳnh Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, và cả 02 đều đăng ký hộ khẩu

thường trú tại xã T nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã T; và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định.

Chị L và anh H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, lẽ ra anh chị phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa chị L và anh H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa chị Trần Thị L và anh Huỳnh Văn H là vợ chồng.

[2.2]. *Về con chung:* Có 01 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 12/11/1998. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.3]. *Về tài sản chung:* Hai bên thống nhất để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4]. *Về nợ chung:* Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.5]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; 14; 16; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Huỳnh Văn H.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 12/11/1998. Hiện con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005745 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Huỳnh Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Minh Chiến – Bùi Tuấn Khanh	**Trần Thị Mỹ Duyên**